TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **14**/2021/DS -PT
Ngày: 15- 4- 2021
V/v: Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Vũ Tiến

Các Thẩm phán: Ông Trần Hưng Bính và ông Lê Hữu Nam.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tường Vy, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Hữu Thọ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2021, tại Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2021/TLPT- DS ngày 06/01/2021 về "Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu". Do bản án dân sự sơ thẩm số 57/2020/DS-ST ngày 09/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2021/QĐ-PT ngày 22/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1919, trú tại: Tổ dân phố K, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; (Chết ngày 22/4/2018).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân L1, sinh năm 1948 (con trai bà Nguyễn Thị L), trú tại: Tổ dân phố K, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Người đại diện theo ủy quyền của bà L và ông L1: Anh Lê Hồng S, sinh năm 1993, trú tại: 50 đường H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Ông Nguyễn Văn T (Nguyễn Văn C) - chồng bà Nguyễn Thị L chết năm 2011. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1945, chết năm 2008 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957, chết năm 2017- đều là con gái bà Nguyễn Thị L.

2. Bị đơn:

+ Chị Lê Thị B, sinh năm 1968; Nơi cư trú: 27 đường Đ, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Lê Xuân T1, sinh năm 1976; Nơi cư trú: 100 đường C, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Văn phòng công chứng T. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đình H, sinh năm 1988; địa chỉ: 9/6 đường N, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Chị Trần Thị Thu P, sinh năm 1979, trú tại: 18 Kiệt 53 đường H1, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị P: Ông Trần Nhật N1 - Luật sư Công ty Luật TNHH Nhật N1 và Cộng sự; địa chỉ: Số 52 đường T, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Con gái bà Nguyễn Thị L là bà Nguyễn Thị N có chồng là ông Lê Văn L2. Quá trình chung sống vợ chồng ông L2, bà N có tạo dựng nhà và đất tại địa chỉ 18/53 đường H1, phường P, thành phố H được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/3/2007. Sau khi ông L2 chết năm 2013, và bà Nguyễn Thị N chết năm 2008, không để lại di chúc thì các con của ông L2 và bà N gồm: chị Lê Thị B, anh Lê Cao S1 và anh Lê Xuân T1 đã lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế là nhà và đất tại thửa số 32, tờ bản đồ số 14, địa chỉ thửa đất tại 18 Kiệt 53 đường H1, phường P, thành phố H, diện tích 153,3 m^2 do cha mẹ để lại vào ngày 22/9/2014 tại Văn phòng công chứng T. Quá trình làm thủ tục tại phòng công chứng anh S1, anh T1 và chị B đã lập thủ tục kê khai những người thừa kế của ông L2 và bà N. Sau đó, ngày 17/10/2014 Ủy ban nhân dân thành phố H đã cấp cho anh Lê Cao S1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thửa số 32, tờ bản đồ số 14, địa chỉ thửa đất tại 18 Kiệt 53 đường H1, phường P, thành phố H, diện tích 153,3 m^2. Tuy nhiên trong quá trình kê khai chị B, anh T1 và anh S1 đã kê khai mẹ của bà N là bà NguyễnThị L3 (tức Nguyễn Thị N3) chết năm1947 - đã chết trước thời điểm mở thừa kế nên không được hưởng di sản thừa kế do ông L2 và bà N để lại. Vào tháng 4/2017 bà Nguyễn Thị L phát hiện chị Lê Thị B, anh Lê Xuân T1 và anh Lê Cao S1 (anh S1 đã chết năm 2015) đã có hành vi gian dối khi kê khai hàng thừa kế của bà N đã bỏ sót hàng thừa kế thứ nhất mẹ đẻ của bà N là bà. Vì vậy, bà L khởi kiện (nhưng do bà L đã chết ngày 22/4/2018 nên người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà L là ông Nguyễn Xuân L1) yêu cầu Tòa án tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế lập ngày 22/9/2014 tại Văn phòng công chứng T số công chứng 3019, quyển số

13TP/CC-SCC/HĐGD giữa chị Lê Thị B, anh Lê Cao S1 và anh Lê Xuân T1 là vô hiệu do xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của bà L.

- Ý kiến trình bày của bị đơn (anh T1): Cha mẹ anh là ông Lê Văn L2 bà Nguyễn Thị N có 03 con chung là Lê Thị B, Lê Xuân T1 và Lê Cao S1, nhưng anh S1 đã chết năm 2015, quá trình chung sống ông L2, bà N có tạo lập tài sản chung nhà và đất tại địa chỉ 18/53 đường H1, phường P, thành phố H được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/3/2007. Sau khi cha mẹ chết không để lại di chúc nên các con của ông bà là chị B, anh T1, anh S1 đã lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế tại phòng Công chứng Nam Thanh ngày 22/9/2014 để lại toàn bộ tài sản nhà và đất trên cho anh S1 với lý do lúc đó anh S1 bệnh nặng nên mục đích chuyển giấy tờ tài sản tên cha mẹ sang tên cho anh S1 để anh S1 vay tiền chữa bệnh. Tuy nhiên, khi kê khai hàng thừa kế thì các anh chị đều khai nhận mẹ của bà N là bà Nguyễn Thị L (tức Nguyễn Thị N3) đã chết năm 1947 là không đúng thực tế, vì lúc này bà L vẫn đang còn sống và ở tại Tuyên Quang là bỏ sót hàng thừa kế. Nên bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế lập tại Văn phòng công chứng T ngày 22/9/2014 giữa anh với chị B, anh S1 là vô hiệu thì anh T1 hoàn toàn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại phiên tòa,chị B xin vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 02/5/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án chị B trình bày ý kiến của mình như ý kiến trình bày trên của anh T1.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị P và chị P trình bày: Chị P là vợ của anh Lê Cao S1. Quá trình chung sống vợ chồng với anh S1 từ năm 2003 đến nay, chị P vẫn biết bà ngoại của anh S1 là bà Nguyễn Thị N3 (vì thường ngày chị chỉ nghe gọi tên là N3) đang còn sống ở Tuyên Quang. Quá trình lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế tại phòng Công chứng T ngày 22/9/2014 giữa chị B, anh T1, anh S1 chị hoàn toàn không biết, nay chồng chị là anh S1 đã được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thửa số 32, tờ bản đồ số 14, địa chỉ thửa đất tại 18 Kiệt 53 đường H1, phường P, thành phố H, diện tích 153,3 m2 vào ngày 17/10/2014, nên chị không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chị cho rằng vụ án đã hết thời hiệu khởi kiện. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Văn phòng Công chứng T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Văn phòng công chứng T trình bày: Trong quá trình nhận hồ sơ khai nhận di sản thừa kế của chị Lê Thị B, anh Lê Xuân T1 và anh Lê Cao S1 thì Văn phòng công chứng T đã kiểm tra, xem xét hồ sơ và đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật. Do vậy, Văn phòng công chứng T không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Ngày 09/10/2020 Tòa án nhân dân thành phố H đã đưa vụ án ra xét xử và quyết định như sau:

Căn cứ khoản 11 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 123, khoản 3 Điều 132, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 676 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 12, Đều 49 Luật Công chứng 2006;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L (người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị L là ông Nguyễn Xuân L1). Tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế lập ngày 22/9/2014 tại Văn phòng công chứng T số công chứng 3019, quyển số 13TP/CC SCC/HĐGD giữa chị Lê Thị B, anh Lê Xuân T1 và anh Lê Cao S1 là vô hiệu.

2. Về án phí: Bị đơn chị Lê Thị B và anh Lê Xuân T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị L (người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị L là ông Nguyễn Xuân L1) tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/004640 ngày 12/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quy định về việc thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/10/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xem xét, xác định lại toàn bộ chứng cứ và tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có ý kiến cho rằng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các bên đương sự đều tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bảo đảm quyền lợi của các bên đương sự, không vi phạm gì cần phải kiến nghị khắc phục. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 57/2020/DS-ST ngày 09/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh luận, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không rút đơn kháng cáo. Các bên đương sự

không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về kháng cáo của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị Thu P đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xem xét, xác định lại toàn bộ chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tiến hành trưng cầu giám định "dấu vân tay điểm chỉ" trong các đơn đề nghị, đơn yêu cầu, đơn khởi kiện của bà L. Đề nghị xem xét, đánh giá toàn bộ nguồn chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp có liên quan đến quan hệ nhân thân của bà L có quan hệ mẹ con với bà N hay không.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Vào ngày 22/9/2014 tại Văn phòng công chứng T anh Lê Cao S1, anh Lê Xuân T1 và chị Lê Thị B đã lập thủ tục kê khai những người thừa kế tài sản của bố mẹ là ông L2 bà N, trong đó nêu rõ: "Cha mẹ của ông Lê Văn L2 và bà Nguyễn Thị N là ông Lê Văn T2 (chết năm 1956) và bà Nguyễn Thị Y (chết năm 1958), ông Nguyễn Văn C1 (chết năm 1959) và bà Nguyễn Thị N3 (chết năm 1947) đã chết trước thời điểm mở thừa kế do ông Lê Văn L2 và bà Nguyễn Thị N để lại". Tuy nhiên vào thời điểm ngày 02/5/2018 khi làm việc tại Tòa án, chị Trần Thị Thu P cũng công nhận bà ngoại của anh S1 là bà Nguyễn Thị N3 vẫn còn sống và ở tại Tuyên Quang (BL số 33). Căn cứ theo Đơn xác nhận của Công an thị trấn T huyện Y, tỉnh Tuyên Quang thì bà Nguyễn Thị N3 còn có tên gọi khác là Nguyễn Thị L, chính là nguyên đơn trong vụ án này. Mặt khác tại tài liệu sơ yếu lí lịch Đảng viên của ông Nguyễn Xuân L1 đã được Đảng ủy thị trấn T, huyện ủy Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang xác nhận ngày 23/11/1987 trong đó có nội dung xác định bà Nguyễn Thị N là em gái của ông Nguyễn Xuân L1 và con của bà Nguyễn Thị L.

Do đó, thời điểm anh S1, chị B, anh T1 lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế là không đúng sự thật vì bà Nguyễn Thị L (Nguyễn Thị N) thuộc hàng thừa kế thứ nhất còn sống tại thời điểm mở thừa kế.

Vì vậy, việc Văn phòng công chứng T bỏ sót hàng thừa kế; công chứng nội dung của Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế không đúng sự thật là đã vi phạm quy định của pháp luật về công chứng; chứng thực nội dung liên quan đến thừa kế tài sản. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế lập ngày 22/9/2014 tại Văn phòng công chứng T số công chứng 3019, quyển số 13TP/CC SCC/HĐGD giữa chị Lê Thị B, anh Lê Xuân T1 và anh Lê Cao S1 vô hiệu là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Trần Thị Thu P phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Thu P; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 57/2020/DS-ST ngày 09/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế giữa :

- Nguyên đơn : Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1919, trú tại: Tổ dân phố K, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; (Chết ngày 22/4/2018).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân L1, sinh năm 1948 (con trai bà Nguyễn Thị L), trú tại: Tổ dân phố K, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Người đại diện theo ủy quyền của bà L và ông L1: Anh Lê Hồng S, sinh năm 1993, trú tại: 50 đường H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ông Nguyễn Văn T (Nguyễn Văn C) - chồng bà Nguyễn Thị L chết năm 2011. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1945, chết năm 2008 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957, chết năm 2017- đều là con gái bà Nguyễn Thị L.

- Bị đơn:

+ Chị Lê Thị B, sinh năm 1968; Nơi cư trú: 27 đường Đ, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Anh Lê Xuân T1, sinh năm 1976; Nơi cư trú: 100 đường C, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Văn phòng công chứng T. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đình H, sinh năm 1988; địa chi: 9/6 đường N, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Chị Trần Thị Thu P, sinh năm 1979, trú tại: 18 Kiệt 53 đường H1, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm. Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị Trần Thị Thu P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đồng, nhưng được trừ vào Biên lai thu tiền tạm ứng án phí dân sự số 0000725 ngày 17/11/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H.

Những nội dung của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LÊ VŨ TIẾN

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- TAND thành phố H;
- THADS thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu Tòa Dân sự; Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- TAND thành phố Huế ;
- THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Lưu Tòa Dân sự; Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ;

LÊ VŨ TIẾN